TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 3 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2025/LĐ-ST
Ngày: 21/4/2025
V/v tranh chấp tiền lương.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 3 THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tình Duyên

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Kiên Hiển
2. Bà Đặng Thị Ngọc Hằng

- ***Thư ký phiên tòa****:* Bà Đỗ Thị Hồng Ngọc - Cán bộ Toà án nhân dân Quận 3 Thành phố Hồ Chí Minh.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 3 Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa****:* Bà Lê Thị Tuyết Sương - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 4 năm 2025 tại Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 82/2024/TLST-LĐ ngày 15 tháng 11 năm 2024 về "Tranh chấp tiền lương" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2025/QĐXXST-LĐ ngày 03 tháng 3 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 09/2025/QĐST-LĐ ngày 25 tháng 3 năm 2025 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông L.N.T.Đ, sinh năm 2003
Địa chỉ: Thông X, xã P, Duy Xuyên, Quảng Nam.
Địa chỉ liên lạc: Số B đường Đ, Phường M, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh.
(Có mặt)

2. *Bị đơn:* Công ty Cổ phần F
Trụ sở: Số M đường G, phường S, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh.
Người đại diện theo pháp luật:
- Ông L.C.T
Địa chỉ: số B, phường M, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.
- Bà N.T.H1
Địa chỉ: Số I tổ S, phường H, quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội.
(Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn Ông L.N.T.Đ trình bày:

Ông bắt đầu vào làm tại Công ty Cổ phần F từ ngày 05/10/2023, công việc là huấn luyện viên cá nhân (Personal trainer, viết tắt là PT) tại chi nhánh Công ty Cổ phần F - Trung tâm Thể dục Thể thao X, địa chỉ số 02 đường X, Phường S, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh. Công ty Cổ phần F không ký hợp đồng lao động với ông mà

hai bên chỉ thỏa thuận bằng lời nói. Theo đó, Công ty Cổ phần F sẽ trả cho ông lương cơ bản là 5.000.000 đồng/tháng và lương hoa hồng tính theo doanh số từng tháng. Mỗi tháng, Công ty sẽ gửi cho ông bảng lương chấm công cơ bản và lương hoa hồng của tháng đó vào tài khoản zalo của ông. Còn tiền lương sẽ được chuyển vào tài khoản ngân hàng.

Từ lúc ông đi làm cho đến tháng 4/2024, Công ty vẫn trả lương đầy đủ và đúng hẹn. Từ tháng 5/2024, Công ty Cổ phần F đã chậm trễ và có dấu hiệu không chịu trả lương cho ông. Công ty bắt đầu nợ lương từ tháng 5/2024, cụ thể như sau:

- Tháng 5/2024 nợ 621.000 đồng lương hoa hồng;
- Tháng 6/2024 nợ 5.374.000 đồng lương hoa hồng;
- Tháng 7/2024 còn nợ lương cơ bản là 5.000.000 đồng và lương hoa hồng là 7.475.000 đồng. Trước đây theo phiếu lương công ty gửi cho ông thì lương cơ bản và phụ cấp tháng 7/2024 là 5.535.000 đồng nên tại đơn khởi kiện số tiền lương cơ bản tháng 7/2024 ông yêu cầu công ty trả là 5.535.000 đồng. Nay đối với lương tháng 7/2024 ông chỉ yêu cầu công ty trả đúng số tiền lương cơ bản mà các bên đã thỏa thuận trước đó là 5.000.000 đồng;
- Tháng 8/2024 còn nợ lương cơ bản là 4.958.000 đồng và lương hoa hồng là 8.820.000 đồng;
- Tháng 9/2024 còn nợ lương cơ bản là 5.000.000 đồng và lương hoa hồng là 4.340.000 đồng;

Tổng số tiền Công ty Cổ phần F còn nợ ông là 41.588.000 đồng.

Trong thời gian làm việc ông đã nhiều lần liên hệ với Công ty Cổ phần F và người quản lý để giải quyết tiền nợ lương nhưng chỉ được trả lời là công ty sẽ trả đủ. Tuy nhiên sau đó đến ngày 05/10/2024, Công ty Cổ phần F dừng hoạt động và không có thông báo gì nên ông cũng nghỉ làm tại công ty từ đó cho đến nay.

Nay ông yêu cầu bị đơn Công ty Cổ phần F phải thanh toán tiền lương còn nợ là 41.588.000 đồng. Trả một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Bị đơn Công ty Cổ phần F đã được Tòa án tống đạt, niêm yết Giấy triệu tập, Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định của pháp luật, nhưng vẫn không có mặt nên Tòa án không thu thập được lời khai của Công ty Cổ phần F.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Nguyên đơn trình bày: Công ty Cổ phần F dừng hoạt động từ tháng 10/2024 mà không có thông báo gì cho các nhân viên. Đối với tháng 9/2024 Công ty chưa gửi bảng lương cho ông. Vì vậy, tiền lương hoa hồng của tháng 9/2024 là ông tự tính. Do đó tại phiên tòa hôm nay, đối với tiền lương tháng 9/2024 thì ông chỉ yêu cầu Công ty trả tiền lương cơ bản là 5.000.000 đồng, không yêu cầu Công ty trả tiền lương hoa hồng tháng 9/2024 là 4.340.000 đồng.

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông về việc buộc Công ty Cổ phần F phải thanh toán cho ông tổng số tiền lương còn thiếu là 37.248.000 đồng, trong đó:

- Lương hoa hồng tháng 5/2024: 621.000 đồng
- Lương hoa hồng tháng 6/2024: 5.374.000 đồng
- Lương cơ bản tháng 7/2024: 5.000.000 đồng và lương hoa hồng là 7.475.000 đồng

- Lương cơ bản tháng 8/2024: 4.958.000 đồng và lương hoa hồng là 8.820.000 đồng

- Lương cơ bản tháng 9/2024: 5.000.000 đồng

Trả một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Bị đơn Công ty Cổ phần F vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 3 phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Các đương sự đã chấp hành quy định pháp luật. Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tiến hành tố tụng đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thì yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở. Do đó Viện kiểm sát nhân dân Quận 3 đề nghị Toà án chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng, quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

[1.1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án:

Ông L.N.T.Đ khởi kiện Công ty Cổ phần F yêu cầu trả tiền lương nên đây là vụ án lao động thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện được quy định tại khoản 1 Điều 32, điểm c khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Căn cứ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp do Phòng đăng ký kinh doanh - Sở kế hoạch và đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp thì Công ty Cổ phần F có trụ sở chính tại địa chỉ Số M đường G, phường S, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh. Do đó, căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

[1.2] Về thủ tục tố tụng:

Tranh chấp giữa Ông L.N.T.Đ và Công ty Cổ phần F đã qua thủ tục hòa giải của hòa giải viên lao động trước khi khởi kiện tại Tòa án nên đủ điều kiện để Tòa án giải quyết tranh chấp này.

Công ty Cổ phần F đã được Toà án tống đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên toà nhưng vắng mặt nên căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt Công ty Cổ phần F.

[1.3] Tại phiên tòa, nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện về việc không yêu cầu bị đơn thanh toán tiền lương hoa hồng của tháng 9/2024 số tiền là 4.340.000 đồng. Việc thay đổi này không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu nên chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.4] Về pháp luật áp dụng để giải quyết vụ án:

Ông L.N.T.Đ và Công ty Cổ phần F xác lập quan hệ lao động từ tháng 10/2023 và chấm dứt vào tháng 10/2024, do đó áp dụng Bộ luật Lao động năm 2019 để giải quyết vụ án.

[2] Xét yêu cầu của nguyên đơn:

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án có đủ cơ sở để xác định vào ngày 05/10/2023, giữa Ông L.N.T.Đ và Công ty Cổ phần F có xác lập quan hệ lao động. Theo đó, ông Đ được tuyển dụng với công việc là huấn luyện viên cá nhân (Personal trainer, viết tắt là PT) tại chi nhánh Công ty Cổ phần F - Trung tâm Thể dục Thể thao X. Mức lương cơ bản là 5.000.000 đồng/tháng và lương hoa hồng tính theo doanh số từng tháng.

Như vậy, quan hệ lao động giữa ông Đ và Công ty Cổ phần F được xác lập thể hiện qua sự thỏa thuận của hai bên, trong đó có thỏa thuận về việc làm có trả công, tiền lương và có sự quản lý, điều hành, giám sát của Công ty Cổ phần F. Sự thỏa thuận trên cơ sở tự nguyện, phù hợp với quy định tại Điều 13 của Bộ luật Lao động nên làm phát sinh hiệu lực thực hiện về quyền và nghĩa vụ lao động của các bên.

Căn cứ vào sao kê số tài khoản số 048627376 của Ông L.N.T.Đ tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc tế Việt Nam thì trong quá trình thực hiện hợp đồng từ tháng 10/2023 đến tháng 4/2024, Công ty Cổ phần F đã chi trả tiền lương cơ bản và tiền lương hoa hồng đầy đủ. Tuy nhiên, từ tháng 5/2024, Công ty Cổ phần F đã không chi trả đủ tiền lương cho ông Đ theo đúng thời hạn, việc nợ lương kéo dài từ tháng 5/2024 đến tháng 9/2024 đối với nhiều nhân viên Công ty trong đó có ông Đ dẫn đến việc Công ty đã đóng cửa hoạt động từ tháng 10/2024.

Căn cứ Điều 90 Bộ luật lao động năm 2019 quy định "Tiền lương là số tiền mà người sử dụng lao động trả cho người lao động theo thỏa thuận để thực hiện công việc, bao gồm mức lương theo công việc hoặc chức danh, phụ cấp lương và các khoản bổ sung khác".

Căn cứ khoản 1 Điều 94 Bộ luật Lao động năm 2019 quy định "Người sử dụng lao động phải trả lương trực tiếp, đầy đủ, đúng hạn cho người lao động...".

Căn cứ điểm b khoản 1, khoản 4 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự về nghĩa vụ chứng minh quy định:

"1. Đương sự có yêu cầu Tòa án bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu đó là có căn cứ và hợp pháp, trừ các trường hợp sau đây…

b) Đương sự là người lao động trong vụ án lao động mà không cung cấp, giao nộp được cho Tòa án tài liệu, chứng cứ vì lý do tài liệu, chứng cứ đó đang do người sử dụng lao động quản lý, lưu giữ thì người sử dụng lao động có trách nhiệm cung cấp, giao nộp tài liệu, chứng cứ đó cho Tòa án…

4. Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc."

Nhận thấy: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt đầy đủ nhưng Công ty Cổ phần F vắng mặt. Do đó, từ những căn cứ trên, Hội đồng xét xử xét thấy Công ty Cổ phần F đã không thanh toán tiền lương cho Đ đúng hạn, vi phạm thỏa thuận của các bên và không tuân thủ theo quy định tại Điều 94, Điều 95 của Bộ luật Lao động. Cụ thể Công ty Cổ phần F còn nợ ông Đ tiền lương cơ bản và tiền lương hoa hồng tổng số tiền là 37.248.000 đồng, trong đó:

- Lương hoa hồng tháng 5/2024: 621.000 đồng
- Lương hoa hồng tháng 6/2024: 5.374.000 đồng
- Lương cơ bản tháng 7/2024: 5.000.000 đồng và lương hoa hồng là 7.475.000 đồng

- Lương cơ bản tháng 8/2024: 4.958.000 đồng và lương hoa hồng là 8.820.000 đồng

- Lương cơ bản tháng 9/2024: 5.000.000 đồng.

Do đó, nguyên đơn ông Đ yêu cầu Công ty Cổ phần F thanh toán tổng số tiền lương còn thiếu từ tháng 5 đến tháng 9/2024 tổng số tiền là 37.248.000 đồng là có cơ sở nên chấp nhận.

[3] Về án phí lao động sơ thẩm:

Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn Công ty Cổ phần F phải chịu án phí là 1.117.440 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 32, điểm c khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 228, khoản 1 Điều 244, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 13, Điều 90, Điều 94, Điều 95 Bộ luật Lao động 2019;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án của Ủy ban thường vụ Quốc Hội;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ông L.N.T.Đ.

Buộc Công ty Cổ phần F phải thanh toán cho Ông L.N.T.Đ tiền lương còn thiếu từ tháng 5 đến tháng 9/2024 tổng số tiền là 37.248.000 đồng (ba mươi bảy triệu hai trăm bốn mươi tám ngàn đồng). Thực hiện trả một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày Ông L.N.T.Đ có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng Công ty Cổ phần F còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí lao động sơ thẩm:

Công ty Cổ phần F phải chịu án phí lao động sơ thẩm là 1.117.440 đồng (một triệu một trăm mười bảy ngàn bốn trăm bốn mươi đồng).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyền kháng cáo:

Ông L.N.T.Đ có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Công ty Cổ phần F có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

***Nơi nhận*:**
- TAND Tp.HCM;
- VKSND Quận 3;
- Chi cục THA DS Quận 3;
- Các đương sự;
- Lưu VP, Hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Tình Duyên